TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST
Ngày: 03- 6 – 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trịnh Văn Lộc
Bà Phạm Thị Hương
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2021/TLST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: xã L, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh

Là người đại diện theo pháp luật của Hộ kinh doanh Thành T tại địa chỉ: khóm B, phường P, thị xã VC, Tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M, sinh năm 1996. (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: khóm N, phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn P, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà không số, ấp G, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2021 của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (BL 01) cũng như quá trình giải quyết vụ án trình bày: Vào ngày 25/6/2014 hộ kinh doanh Thành T (Đại diện là ông Nguyễn Duy M) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy

sản mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Trần Văn P thông qua hợp đồng bằng lời nói.

Hợp đồng không xác định thời hạn và diễn ra từ ngày 25/6/2014 đến ngày 05/6/2019. Theo đó các bên thỏa thuận ông M có nghĩa vụ cung cấp thức ăn mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm theo đơn đặt hàng của ông P. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và được xác định theo từng thời điểm và ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại kho hàng, ông P đến lấy hoặc nhờ người nhà đến lấy theo đơn đặt hàng và kiểm tra về số lượng, đơn giá, chất lượng, chủng loại sau khi thống nhất thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng hoặc khiếu nại về sản phẩm. Về phương thức thanh toán hai bên thống nhất thỏa thuận ông P sẽ thanh toán cho ông M dứt điểm công nợ khi thu hoạch tôm, trường hợp nuôi thất vẫn phải thanh toán dứt điểm công nợ. Trong trường hợp nhận thấy công nợ cao ông M có quyền yêu cầu ông P thanh toán 1 phần công nợ. Tùy trường hợp M có quyền chấm dứt hợp đồng nếu ông P lên tôm mà không thanh toán dứt điểm công nợ hoặc vi phạm cam kết thanh toán hoặc công nợ cao nhưng không gửi tiền để giảm bớt công nợ.

Ông M đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Sau khi nhận hàng ông P không phàn nàn về số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá. Tuy nhiên, ông P đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 06/6/2019 ông P còn nợ lại ông M số tiền 475.781.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng) đến ngày 22/4/2020 ông P trả thêm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), cuối tháng 3/2022 trả thêm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), hiện ông P còn nợ lại 468.781.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn P thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy M số tiền còn nợ là 468.781.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng) không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn ông Trần Văn P tại phiên hòa giải: Ông P thống nhất với phía nguyên đơn khởi kiện, ông P thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 473.781.000đ (Bốn trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng), do hoàn cảnh khó khăn nên cho ông P ba tháng trả một lần với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, nếu trúng tôm ông P sẽ thanh toán nhiều hơn.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2022 (BL53-54) người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau bị đơn còn nợ tiền thức ăn của nguyên đơn với số tiền 473.781.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng), người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất cho bị đơn trả trong vòng 08 lần sẽ dứt nợ, mỗi lần cách nhau 02 tháng, bị đơn không đồng ý yêu cầu

ba tháng trả một lần với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi dứt nợ nếu nuôi tôm trúng sẽ trả nhiều hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc ông P vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 25 tháng 6 năm 2014 nguyên đơn ông Nguyễn Duy M có hợp đồng bằng lời nói mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với bị đơn ông Trần Văn P. Theo Hợp đồng, ông M bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông P, thời hạn thanh toán là cuối vụ thu hoạch tôm hoặc tôm bị thất mùa thì ông P vẫn phải trả dứt điểm công nợ cho ông M. Thực hiện Hợp đồng, ông M đã bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông P theo đúng đơn hàng của ông P yêu cầu. Ngày 10/4/2020 hai bên có ký xác nhận công nợ là ông P còn nợ ông M số tiền 475.781.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng) và được ông P thừa nhận, sau đó ông P có trả cho ông M được 7.000.000 đồng, nên còn lại 468.781.000 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng). Tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Tòa án chấp nhận buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[3] Xét lời trình bày của bị đơn tại phiên hòa giải yêu cầu ba tháng trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ cở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Trần Văn P phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M đối với bị đơn ông Trần Văn P về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc bị đơn ông Trần Văn P thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy M số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ 468.781.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Trần Văn P phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trần Văn P phải chịu án phí là 22.751.240 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.844.525 đồng (Mười một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002267 ngày 21/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng